

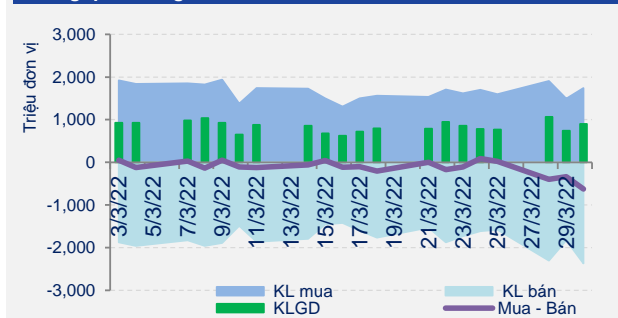
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 30/3/2022

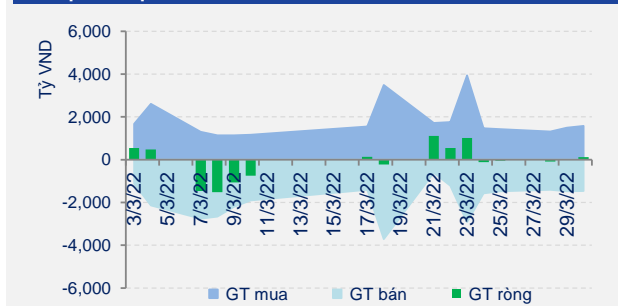
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,490.51	451.19
% Thay đổi	↓ -0.48%	↓ -2.18%
KLGD (CP)	901,485,300	147,778,281
GTGD (tỷ đồng)	28,682.23	4,652.25
Tổng cung (CP)	2,368,732,400	211,433,900
Tổng cầu (CP)	1,744,017,100	160,554,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,487,600	764,374
KL mua (CP)	30,178,100	445,800
GT mua (tỷ đồng)	1,580.06	13.60
GT bán (tỷ đồng)	1,456.11	36.96
GT ròng (tỷ đồng)	123.94	(23.36)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.73%	23.5	3.9	1.8%
Công nghiệp	↓ -1.94%	23.9	3.3	15.4%
Dầu khí	↓ -2.89%	19.4	2.1	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.20%	-	10.8	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.02%	16.9	2.7	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.14%	19.3	3.6	11.2%
Ngân hàng	↑ 0.99%	12.2	2.3	11.4%
Nguyên vật liệu	↓ -1.77%	10.8	2.6	20.9%
Tài chính	↓ -1.24%	21.7	3.2	31.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.37%	18.3	2.8	1.3%
VN - Index	↓ -0.48%	17.4	3.2	
HNX - Index	↓ -2.18%	22.4	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Đàm phán giữa Nga và Ukraine có những tiến triển với thông báo về việc Nga sẽ giảm các cuộc giao tranh đã khiến cho thị trường chứng khoán quốc tế đồng loạt tăng điểm trong phiên đêm qua. Bên cạnh đó, giá dầu, giá vàng và các loại hàng hóa khác cũng có sự hạ nhiệt nhất định. Tuy nhiên, tại thị trường Việt Nam, tin tức về việc bắt giữ ông Trịnh Văn Quyết ít nhiều đã có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trong phiên hôm nay. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,25 điểm (-0,48%) xuống 1.490,51 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 133 mã tăng (7 mã tăng trần), 44 mã tham chiếu, 320 mã giảm (24 mã giảm sàn). Cổ phiếu "họ FLC" tiếp tục bị bán mạnh và nằm sàn trong phiên hôm nay như HAI (-7%), AMD (-6,9%), ROS (-7%), FLC (-6,7%), KLF (-8,5%), ART (-9,3%); khối lượng dư bán sàn của nhóm này vẫn còn rất lớn với khoảng 216 triệu cổ phiếu. Giá dầu thế giới hạ nhiệt khiến cho nhóm dầu khí bị bán tương đối mạnh và đồng loạt giảm giá PVS (-4%), BSR (-1,1%), PVD (-3,4%), PVC (-3,1%), PLX (-2,5%), OIL (-2,2%), PSH (-4,3%), TDG (-1,6%), PVB (-3,6%)... Nhóm cổ phiếu hóa chất cũng bị bán mạnh khi mà giá hàng hóa toàn cầu hạ nhiệt trong đêm qua với DCM (-6,9%), DPM (-7%), BFC (-6,9%), SFG (-6,9%), VAF (-7%)... giảm sàn; APH (-6,2%), LAS (-5,6%), DDV (-3,9%), CSV (-3%)... giảm mạnh. Nhóm ngân hàng là điểm sáng trong phiên hôm nay khi dòng tiền đổ vào nhóm này giúp nhiều mã cổ phiếu tăng trở lại sau vài phiên trầm lắng trước đó MBB (+2%), VPB (+1,1%), TCB (+0,5%), VIB (+4,7%), HDB (+2,7%), SHB (+0,5%), CTG (+0,2%), BID (+2,7%), ACB (+0,8%), SSB (+4,2%)... nhưng cũng là không đủ sức để giúp thị trường kết phiên trong sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tin ông Trịnh Văn Quyết bị bắt ít nhiều đã ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý thị trường trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, phản ứng của thị trường lại khá tích cực trong bối cảnh này khi mà chỉ số VN-Index có nhịp test vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm (MA20-50) và bật lên từ đây để thu hẹp mức giảm về cuối phiên. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay cũng gia tăng nhưng nếu kết hợp cả diễn biến giao dịch thì điều này chỉ thể hiện việc giảm co khá quyết liệt giữa bên mua và bên bán. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 31/3, thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ. Nếu thị trường tăng mạnh để hướng đến vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới sẽ là lúc thích hợp để hiện thực hóa lợi nhuận.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68 - 68,8 triệu đồng/lượng, giảm 300.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ngày 30/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.135 VND/USD, giảm 16 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,15 USD/ounce tương ứng với 0,43% lên 1.920,35 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,529 điểm tương ứng 0,53% xuống 97,912 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1147 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3140 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 121,67 JPY.

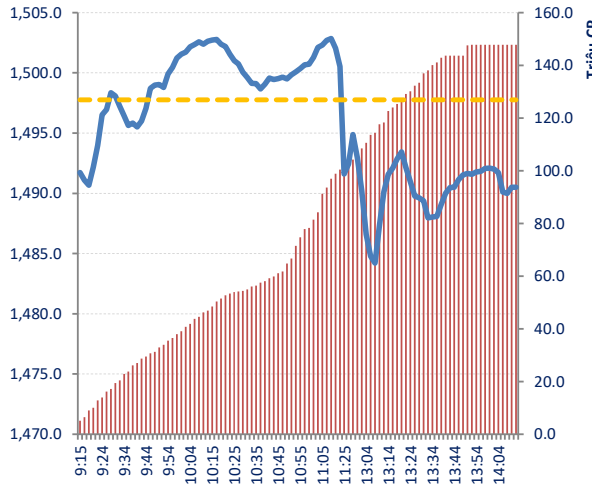
Giá dầu thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,32 USD/thùng tương ứng với 2,15% lên 106,53 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/3, Dow Jones tăng 338,3 điểm tương ứng với 0,97% lên 35.294,19 điểm. Nasdaq tăng 264,73 điểm tương đương 1,84% lên 14.619,64 điểm. Nasdaq Composite tăng 56,08 điểm tương đương 1,23% lên 4.631,6 điểm.

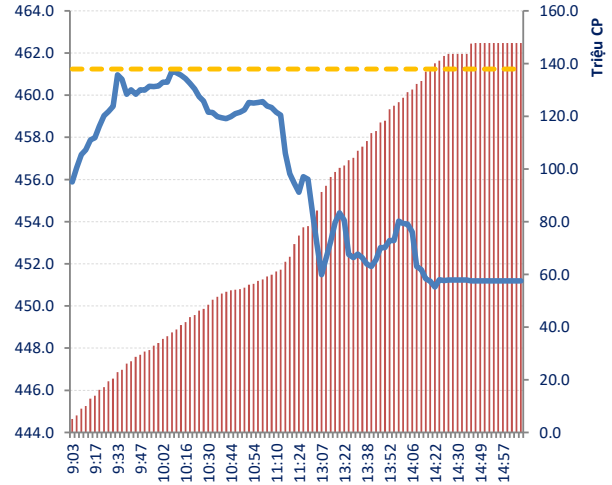


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

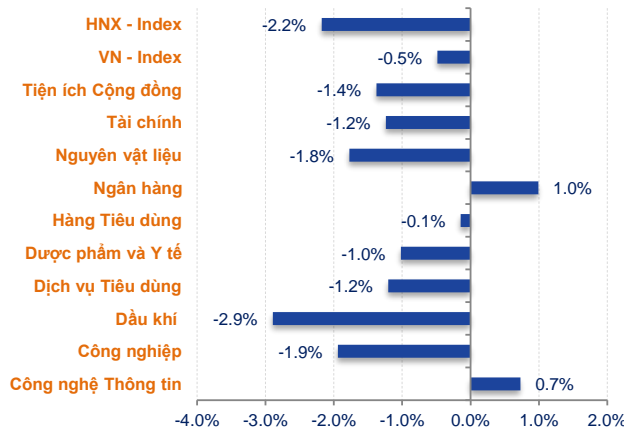
KLGD và VN-Index trong phiên



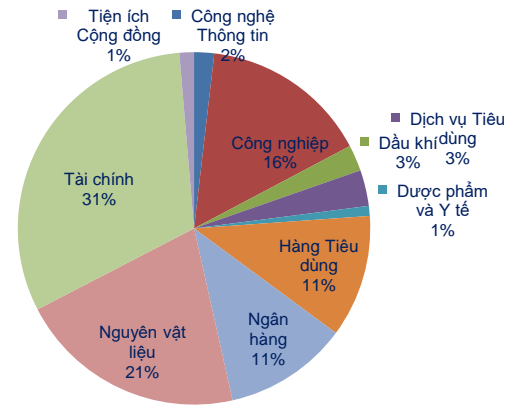
KLGD và HNX-Index trong phiên



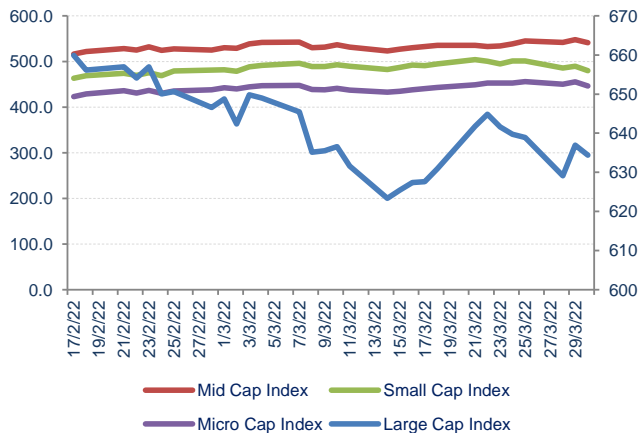
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



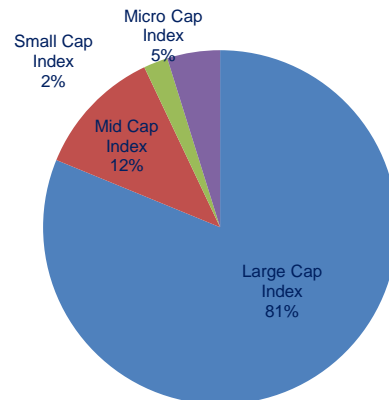
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	2,530,100	CII	1,052,100
2	HDB	2,235,600	HHS	846,900
3	STB	1,476,900	HPG	719,100
4	DXG	1,402,400	VHM	682,700
5	DGC	807,700	DCM	592,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	66,500	NVB	160,000
2	PVG	43,800	SHS	111,100
3	BCC	39,500	IDC	77,600
4	CTC	30,400	THD	64,500
5	DL1	24,200	TNG	36,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	10.05	9.35	↓ -6.97%	47,794,000
HAG	13.40	13.65	↑ 1.87%	36,486,800
MBB	32.00	32.65	↑ 2.03%	32,305,400
LDG	21.50	20.00	↓ -6.98%	18,367,000
STB	32.30	32.25	↓ -0.15%	17,131,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
IDC	74.80	75.00	↑ 0.27%	14,558,389
HUT	42.90	38.70	↓ -9.79%	9,140,145
PVS	37.20	35.70	↓ -4.03%	8,433,697
AMV	12.60	12.00	↓ -4.76%	8,359,014
CEO	70.10	65.90	↓ -5.99%	6,646,766

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVT	30.30	32.40	2.10	↑ 6.93%
TTE	19.50	20.85	1.35	↑ 6.92%
SJS	88.30	94.40	6.10	↑ 6.91%
DHC	73.90	79.00	5.10	↑ 6.90%
CDC	17.40	18.60	1.20	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKV	22.20	24.40	2.20	↑ 9.91%
KSD	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
SVN	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
DZM	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%
KDM	23.30	25.50	2.20	↑ 9.44%

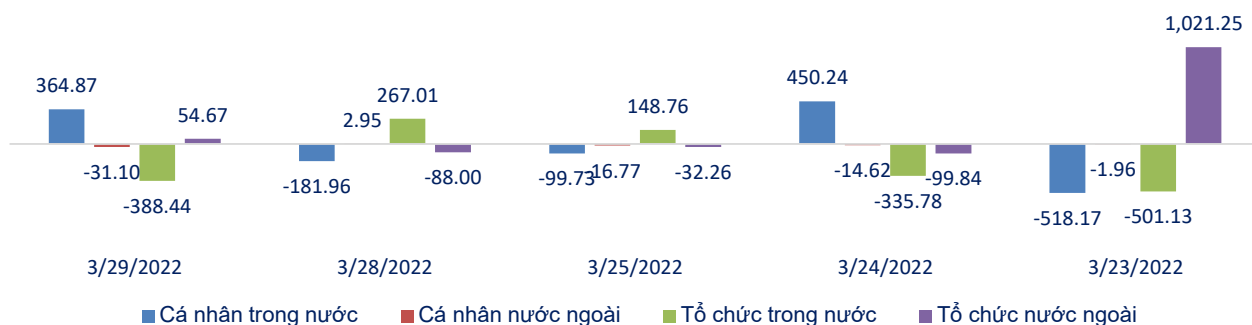
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	25.75	23.95	-1.80	↓ -6.99%
VAF	17.90	16.65	-1.25	↓ -6.98%
ROS	8.16	7.59	-0.57	↓ -6.99%
SII	22.95	21.35	-1.60	↓ -6.97%
LDG	21.50	20.00	-1.50	↓ -6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNM	76.00	68.40	-7.60	↓ -10.00%
PBP	47.40	42.70	-4.70	↓ -9.92%
BII	14.20	12.80	-1.40	↓ -9.86%
CAN	59.00	53.20	-5.80	↓ -9.83%
PMP	30.60	27.60	-3.00	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	176.94	46.0%	7,708	5.9	2.3
MWG	68.61	27.3%	6,893	21.3	5.2
VIC	64.42	-1.9%	(717)	-	1.9
DGW	59.79	44.7%	7,476	19.0	7.0
CTG	36.83	15.7%	2,932	10.9	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	-54.50	50.0%	10,418	4.9	2.0
MBB	-47.13	22.6%	3,361	9.5	1.9
FTS	-47.12	32.6%	5,774	10.2	3.1
DGC	-37.60	45.9%	13,959	16.4	7.6
EIB	-31.74	5.6%	785	47.8	2.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	6.68	N/A	N/A	N/A	N/A
HDC	4.66	23.6%	3,664	28.5	6.1
FLC	3.67	0.7%	119	106.3	0.9
BVH	2.23	8.8%	2,535	24.2	2.1
NKG	1.94	50.0%	10,418	4.9	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-11.90	0.1%	46	801.0	1.1
DGC	-7.50	45.9%	13,959	16.4	7.6
AMD	-4.13	0.6%	75	82.7	0.5
DGW	-3.80	44.7%	7,476	19.0	7.0
CII	-3.47	-4.1%	(1,390)	-	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	55.33	7.2%	1,483	26.4	1.6
FUESSVFL	41.24	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	38.63	22.6%	3,361	9.5	1.9
NKG	37.98	50.0%	10,418	4.9	2.0
APH	22.14	1.1%	224	136.0	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-153.97	45.9%	13,959	16.4	7.6
EIB	-114.54	5.6%	785	47.8	2.6
MWG	-68.61	27.3%	6,893	21.3	5.2
CII	-31.92	-4.1%	(1,390)	-	0.9
CTG	-31.58	15.7%	2,932	10.9	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	199.06	45.9%	13,959	16.4	7.6
EIB	146.40	5.6%	785	47.8	2.6
FTS	44.18	32.6%	5,774	10.2	3.1
VHM	33.88	35.3%	9,036	8.5	2.5
VNM	27.33	30.3%	5,042	15.0	4.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-145.17	46.0%	7,708	5.9	2.3
VIC	-63.03	-1.9%	(717)	-	1.9
DGW	-48.92	44.7%	7,476	19.0	7.0
FUESSVFL	-43.05	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFVND	-36.33	N/A	N/A	N/A	N/A



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	47,794,000	0.1%	9	1,152.7	1.1
HAG	36,486,800	3250.0%	219	61.2	2.7
MBB	32,305,400	22.6%	3,361	9.5	1.9
LDG	18,367,000	4.4%	587	36.6	1.6
STB	17,131,800	10.8%	1,855	17.4	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	14,558,389	9.6%	1,508	49.6	4.8
HUT	9,140,145	1.8%	227	189.3	3.9
PVS	8,433,697	4.7%	1,260	29.5	1.4
AMV	8,359,014	7.7%	922	13.7	0.9
CEO	6,646,766	2.7%	362	193.7	5.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVT	↑ 6.9%	-11.3%	(587)	-	5.1
TTE	↑ 6.9%	9.8%	979	19.9	1.9
SJS	↑ 6.9%	2.3%	428	206.4	4.6
DHC	↑ 6.9%	31.1%	6,877	10.7	3.0
CDC	↑ 6.9%	10.5%	1,317	13.2	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CKV	↑ 9.9%	2.4%	491	45.2	1.1
KSD	↑ 9.9%	17.3%	1,600	6.3	1.0
SVN	↑ 9.9%	0.4%	39	235.8	0.9
DZM	↑ 9.5%	-18.7%	(1,767)	-	1.5
KDM	↑ 9.4%	0.1%	6	3,944.8	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	2,530,100	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	2,235,600	21.8%	3,032	9.1	1.8
STB	1,476,900	10.8%	1,855	17.4	1.8
DXG	1,402,400	10.3%	1,939	24.1	2.1
DGC	807,700	45.9%	13,959	16.4	7.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	66,500	11.2%	3,722	14.3	1.7
PVG	43,800	3.0%	401	38.4	1.1
BCC	39,500	4.0%	685	37.5	1.5
CTC	30,400	10.9%	876	13.5	1.4
DL1	24,200	3.1%	344	36.9	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	387,593	21.3%	4,629	17.7	3.5
VHM	333,109	35.3%	9,036	8.5	2.5
VIC	308,166	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	214,481	12.7%	2,090	20.3	2.5
GAS	214,171	17.1%	4,531	24.7	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,430	21.8%	2,805	60.5	9.4
KSF	32,550	9.0%	1,373	79.0	5.4
IDC	22,440	9.6%	1,508	49.6	4.8
NVB	20,323	0.0%	3	11,377.2	3.4
VCS	19,200	40.6%	11,096	10.8	3.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KHP	3.74	7.2%	836	20.5	1.4
DRH	3.37	1.6%	222	92.7	1.6
LDG	3.23	4.4%	587	36.6	1.6
CII	3.08	-4.1%	(1,390)	-	0.9
SGR	2.98	4.7%	566	52.3	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.35	7.0%	343	41.4	2.8
CEO	2.86	2.7%	362	193.7	5.1
ART	2.83	3.0%	350	27.8	0.8
VC7	2.69	2.6%	354	68.6	2.3
L18	2.48	7.1%	935	64.4	4.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn